

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 10/2025/HS-ST
Ngày 18/02/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tiến Chính-Cán bộ hưu;

- Ông Chu Hồng Văn - Cán bộ Hội nông dân huyện Lục Nam.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà:
Ông Lê Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Việt T, sinh năm 1982. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; bố đẻ: Trần Văn N, sinh năm 1941; mẹ đẻ: Ngô Thị V, sinh năm 1943; gia đình có 02 chị em ruột, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1985; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2021.

Nhân thân: Bản án số 07/2008/HSST ngày 08/04/2008, Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt 13 năm tù, về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong tiền án phí, phạt bổ sung ngày 22/8/2014, hình phạt tù ngày 30/11/2017 (đã được xóa án tích).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh B. (Có mặt).

Bị hại: Anh Đoàn Văn T1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 50 ngày 02/12/2024, Trần Việt T, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang đi qua cửa quán “Móng - M - Spa SonLê”, địa chỉ tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L của gia đình anh Đoàn Văn T1, sinh năm 1985, thường trú tại thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương (hiện thuê quán ở tại địa chỉ trên) phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát (BKS) 34B4-211.95 của anh Đoàn Văn T1 đang dựng trước cửa quán, trên xe có 01 chiếc ba lô trẻ em bên trong có 01 chiếc áo khoác nỉ trẻ em màu đỏ, xe vẫn cắm chìa ở ổ khóa điện. Quan sát không có người, T1 đi đến gần ngồi lên xe mô tô rồi nổ máy điều khiển xe mô tô đi hướng xã T, huyện L. Đến khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô 34B4-211.95 trộm cắp được đến cửa hàng sửa chữa xe máy, xe đạp của anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1973 ở thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để hỏi vay tiền. Đến nơi, T1 đặt vấn đề với anh C cho T1 vay 3.000.000 đồng và T1 để lại xe mô tô BKS 34B4-211.95 làm tin, anh C hỏi nguồn gốc xe thì T1 nói là xe của bố đẻ, tin tưởng T1, anh C đưa cho T1 vay 3.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T1 hỏi mượn lại anh C chiếc xe mô tô Yamaha Sirius, màu đen BKS 98M8-7812 (xe Tùng gửi nhà anh C ngày 30/11/2024 để vay số tiền 2.000.000 đồng), anh C đồng ý. Đến sáng ngày 03/12/2024, T1 quay lại nhà anh C gửi lại chiếc mô tô Yamaha Sirius, màu đen BKS 98M8-7812 rồi vay tiếp số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó T1 cầm tiền và chi tiêu hết.

Sau khi phát hiện tài sản bị trộm cắp cùng ngày anh Đoàn Văn T1 đã làm đơn trình báo và giao nộp: 01 đăng ký xe số 282399, BKS 34B4-211.95 mang tên Vũ Văn M (BL 90-91).

Cùng ngày, Trần Việt T đến đầu thú và giao nộp: 01 điện thoại Masstel màu xanh; 01 áo khoác hình hoa văn sao bốn cánh, trước ngực có chữ LV; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, nhãn hiệu GRO Helitet.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Việt T tại thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang, thu giữ: 01 quần dài màu đen họa tiết hoa bốn cánh sọc trắng vàng đen dọc ống quần; 01 áo khoác màu đen họa tiết bốn cánh màu vàng sọc trắng vàng đen dọc ống tay áo; 01 đôi giày thể thao màu trắng có ký hiệu SAESPORT và 01 căn cước công dân mang tên Trần Việt T.

Cùng ngày, anh Nguyễn Quang C giao nộp: 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu đen BKS 98M8-7812; 01 xe Honda Dream, BKS 34B4-211.95; 01 ba lô trẻ em bên trong có 01 áo khoác nữ màu đỏ.

Cơ quan điều tra Công an huyện L đã yêu cầu định giá tài sản. Tại kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐG ngày 06/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: 01 xe mô tô Honda Dream, màu sơn nâu, BKS 34B4-211.95 trị giá 12.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 14/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: 01 chiếc ba lô trẻ em có giá trị là 48.000 đồng, 01 chiếc áo khoác nữ trẻ em màu đỏ có giá trị là 88.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo Trần Việt T xác định hiện trường, chỉ vị trí thực hiện hành vi trộm cắp, vị trí cấm gửi xe trộm cắp ngày 02/12/2024, kết quả T chỉ, xác định đúng vị trí thực hiện hành vi trộm cắp, vị trí gửi xe phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với anh Nguyễn Quang C, quá trình điều tra xác định khi anh C cho T vay số tiền 3.000.000 đồng và nhận xe mô Honda Dream, BKS 34B4-211.95 làm tin, anh C không biết xe đó là do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đoàn Văn T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, anh T1 có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo. Anh Nguyễn Quang C yêu cầu Trần Việt T hoàn trả lại số tiền 7.000.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại anh Đoàn Văn T1 01 chiếc xe mô tô Honda Dream BKS 34B4-211.95; 01 giấy đăng ký xe số 282399 mang tên Vũ Văn M; 01 chiếc ba lô trẻ em và 01 chiếc áo khoác nữ trẻ em màu đỏ; còn 01 điện thoại Masstel màu xanh; 01 áo khoác màu xanh hình hoa văn sao bốn cánh trước ngực có chữ “LV”; 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu xanh có ký tự GRO Heliet; 01 căn cước công dân số: 024082006581 mang tên Trần Việt T; 01 quần dài màu đen họa tiết hoa bốn cánh sọc trắng vàng đen dọc ống quần; 01 áo khoác màu đen họa tiết bốn cánh màu vàng sọc trắng vàng đen dọc ống tay áo; 01 đôi giày thể thao màu trắng có ký hiệu SAESPORT; 01 giấy đăng ký xe số 029486 mang tên Nguyễn Hữu B và 01 xe mô tô Sirius màu xám BKS 98M8-7812, Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Việt T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Tại bản Cáo trạng số: 21/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Trần Việt T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).

- Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không oan sai.

Ngoài ra bị cáo còn trình bày: Chiều ngày 02/12/2024 bị cáo đi bộ ra khu vực chợ G, thị trấn Đ; bị cáo thấy chiếc xe Dream để trước cửa một ki ốt, chìa khoá vẫn cắm ở ổ khoá, không có ai trông coi. Bị cáo tiến lại mở khoá điện và lấy xe đi; bị cáo đi về xã T, vào nhà anh C; tại đây bị cáo hỏi vay anh C 3.000.000 đồng và để lại xe Dream lại; anh C có hỏi xe ở đâu. Bị cáo nói với anh C là xe của bố bị cáo, bị cáo để lại hôm sau bị cáo lấy. Trước đó bị cáo đã mang xe mô tô YAMAHA của bị cáo để tại nhà anh C và vay 2.000.000 đồng. Sau khi để lại xe vừa trộm cắp, bị cáo mượn lại anh C xe mô tô YAMAHA để đi, ngày hôm sau bị cáo mang xe quay lại để nhà anh C và vay tiếp anh C 2.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo vay anh C là 7.000.000 đồng; trong đó vay 3.000.000 đồng và để lại xe Dream lấy của anh T và vay 4.000.000 đồng để lại xe YAMAHA. Số tiền này bị cáo ăn tiêu hết. Bị cáo đồng ý trả lại anh C 7.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Quang C trình bày: Anh làm nghề sửa xe máy. Chiều ngày 02/12/2024 bị cáo T có mang 1 xe Dream đến nhà hỏi vay 3.000.000 đồng và để lại xe mô tô, anh có hỏi xe ở đâu, thì T nói xe của bố bị cáo; anh không biết xe Dream là xe bị cáo trộm cắp mà có. Ngoài ra anh còn cho bị cáo T vay 4.000.000 đồng, bị cáo để lại xe YAMAHA. Do nhà anh sửa xe, nên bị cáo T cứ để xe ở đó, anh không cầm cố xe, do quen biết T, nên anh cho T vay tiền, không lấy lãi. Anh đề nghị bị cáo phải trả anh 7.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Việt T mức án từ 10 đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/12/2024.

Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Quang C 3.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS).

Trả lại bị cáo Trần Việt T các tài sản: 01 điện thoại di động nhãn hiệu 01 điện thoại Masstel màu xanh (đã qua sử dụng), 01 giấy đăng ký xe số 029486 mang tên Nguyễn Hữu B và 01 xe mô tô tô Sirius màu xám BKS 98M8-7812 (đã qua sử dụng). Nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả cho bị cáo Trần Việt T: 01 áo khoác màu xanh hình hoa văn sao bốn cánh trước ngực có chữ “LV”; 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu xanh có ký tự GRO Heliet; 01 căn cước công dân số: 024082006581 mang tên Trần Việt T; 01 quần dài màu đen họa tiết hoa bốn cánh sọc trắng vàng đen dọc ống quần; 01 áo khoác màu đen họa tiết bốn cánh sọc trắng vàng đen dọc ống tay áo; 01 đôi giày thể thao màu trắng có ký hiệu SAESPORT.

- Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát:

- Bị cáo T tranh luận đối đáp: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Anh C tranh luận: Không tranh luận gì.

* Kết thúc tranh luận. Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để chăm sóc bố mẹ già và 2 con nhỏ, vợ bị cáo đi nước ngoài không có nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị hại đã được Tòa án giao giấy triệu tập, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người vắng mặt trong quá trình hỏi tại phiên tòa.

[2] Đánh giá tính hợp pháp về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó cần

xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng pháp luật.

[3] Đánh giá chứng cứ

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 02/12/2024, tại trước cửa quán “Móng - M - Spa SonLê”, địa chỉ ở tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L, Trần Việt T có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu sơn nâu, BKS 34B4-211.95, 01 chiếc ba lô trẻ em và 01 chiếc áo khoác nỉ trẻ em màu đỏ có tổng giá trị là 12.136.000 đồng của anh Đoàn Văn T1, sinh năm 1985 thường trú tại thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Đoàn Văn T1 trị giá 12.136.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Vì vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ; chỉ vì động cơ mục đích có tiền ăn tiêu, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do đó, phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét về nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo nhận thức được sai phạm của mình, nên đã tự ra đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có mẹ đẻ là bà Ngô Thị V được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba.

Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên bị cáo có nhân thân: Bản án số: 07/2008/HSST ngày 08/04/2008, Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt 13 năm tù, về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong tiền án phí, phạt bổ sung ngày 22/8/2014, hình phạt tù ngày 30/11/2017. Đã được xoá án tích.

Mặc dù bản án trên không xác định là tiền án, tiền sự. Nhưng cũng thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt. Do đó xét thấy cần có hình phạt tù giam bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

Do bị cáo đang bị tạm giam. Nên cần áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam tính từ ngày tuyên án.

[7] Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Đoàn Văn T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

- Anh Nguyễn Quang C yêu cầu bị cáo phải bồi thường 7.000.000 đồng. Xét thấy: Anh C cho T1 vay số tiền 3.000.000 đồng và nhận xe mô tô Honda Dream, BKS 34B2-211.95 làm tin. Do đó cần buộc bị cáo phải trả lại anh C 3.000.000 đồng.

Đối với việc ngày 30/11/2024 T1 để lại 01 xe mô tô Sirius màu xám BKS 98M8-7812 để vay anh C 2.000.000 đồng và ngày 03/12/2024 T1 vay tiếp anh C 2.000.000 đồng. Đây là giao dịch dân sự, không liên quan đến vụ án này. Nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

Nếu anh C có yêu cầu, thì anh C có quyền làm khởi kiện đến Toà án nhân dân có thẩm quyền bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[9] Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại anh Đoàn Văn T1 01 chiếc xe mô tô Honda Dream BKS 34B4-211.95; 01 giấy đăng ký xe số 282399 mang tên Vũ Văn M; 01 chiếc ba lô trẻ em và 01 chiếc áo khoác nỉ trẻ em màu đỏ là đúng quy định.

- 01 điện thoại Masstel màu xanh cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án;

- 01 áo khoác màu xanh hình hoa văn sao bốn cánh trước ngực có chữ “LV”; 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu xanh có ký tự GRO Heliet; 01 căn cước công dân số: 024082006581 mang tên Trần Việt T; 01 quần dài màu đen họa tiết hoa bốn cánh sọc trắng vàng đen dọc ống quần; 01 áo khoác màu đen họa tiết bốn cánh màu vàng sọc trắng vàng đen dọc ống tay áo; 01 đôi giày thể thao màu trắng có ký hiệu SAESPORT. Đây là những đồ vật phục vụ cuộc sống hàng ngày, nên cần trả lại bị cáo.

- 01 giấy đăng ký xe số 029486 mang tên Nguyễn Hữu B và 01 xe mô tô tô Sirius màu xám BKS 98M8-7812 là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại bị cáo. Nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[10] Về các nội dung khác: Đối với anh Nguyễn Quang C, quá trình điều tra xác định khi anh C cho T vay số tiền 3.000.000 đồng và nhận xe mô Honda Dream, BKS 34B4-211.95 làm tin, anh C không biết xe đó là do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Việt T: 10 (mười) tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2024.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều: 584, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Việt T phải bồi thường cho anh C 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Trần Việt T các tài sản: 01 điện thoại di động nhãn hiệu 01 điện thoại Masstel màu xanh (đã qua sử dụng), 01 giấy đăng ký xe số 029486 mang tên Nguyễn Hữu B và 01 xe mô tô tô Sirius màu xám BKS 98M8-7812 (đã qua sử dụng). Nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả cho bị cáo Trần Việt T: 01 áo khoác màu xanh hình hoa văn sao bốn cánh trước ngực có chữ “LV”; 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu xanh có ký tự GRO Heliet; 01 căn cước công dân số: 024082006581 mang tên Trần Việt T; 01 quần dài màu đen họa tiết hoa bốn cánh sọc trắng vàng đen dọc ống quần; 01 áo khoác màu đen họa tiết bốn cánh sọc trắng vàng đen dọc ống tay áo; 01 đôi giày thể thao màu trắng có ký hiệu SAESPORT.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Việt T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh